

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CT  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST

Ngày 22/10/2019.

V/v “*Tranh chấp HĐ dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Vũ Văn Hợp**  
2. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Quỳnh Trâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện LV.

Trụ sở tại: Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đ, phường C N, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện LV – Chi Nhánh Kiên Giang.

Người được ủy quyền lại: Anh Lâm Thương T, sinh năm 1987

Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch CT.

Địa chỉ: KP MP, thị trấn ML, CT, Kiên Giang.

Anh Tính có mặt tại phiên tòa

**2. Bị đơn:** Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp HT, xã MH, huyện CT, Kiên Giang.

Bà T vắng mặt tại phiên tòa

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trường tiểu học BA 2**

Địa chỉ: ấp GD, xã BA, huyện CT, Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tài N, sinh năm 1972.

Chức vụ: Hiệu trưởng Trường tiểu học BA 2.

Địa chỉ: ấp AK, xã MH, huyện CT, Kiên Giang.

Ông N có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2019 nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần (viết tắt là TMCP) Bưu điện LV trình bày:*

Vào ngày 27/10/2014, bà Lê Thị T có ký Hợp đồng tín dụng số 786/2014/KG/HĐTD-LVPBank để vay số tiền gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV. Phương thức cho vay: từng lần, mục đích sử dụng vốn vay: tiêu dùng, thời hạn cho vay: 55 tháng, lãi suất ban đầu là 13,0%/năm, kỳ hạn trả nợ gốc: gốc trả hàng tháng vào ngày 05, chia thành 55 kỳ trả nợ, 54 kỳ đầu mỗi kỳ trả 3.600.000đ, kỳ cuối cùng trả 5.600.000đ; kỳ hạn trả lãi: lãi trả vào ngày 05 hàng tháng cùng kỳ với trả nợ gốc theo dư nợ gốc giảm dần. Bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 786/2014/KG/HĐTD-LVPBank ngày 27/10/2014 tại Điều 4 của hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Tính đến ngày 22/10/2019 bà Lê Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền gốc là 59.188.288đ và tiền lãi là 17.427.640đ, tổng cộng là: 76.615.928 (Bảy mươi sáu triệu sáu trăm mười lăm ngàn chín trăm hai mươi tám đồng).

Ngoài ra ngày 28/01/2016, bà Lê Thị T có ký thêm Hợp đồng tín dụng số 0321/2016/KG/HĐTD-LVPBank để vay số tiền gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Phương thức cho vay từng lần, mục đích sử dụng vốn vay: tiêu dùng, thời hạn cho vay 36 tháng, lãi suất ban đầu là 12,5%/năm, kỳ hạn trả nợ gốc: gốc trả hàng tháng vào ngày 10, chia thành 36 kỳ trả nợ, 35 kỳ đầu mỗi kỳ trả 830.000đ, kỳ cuối cùng trả 950.000đ; kỳ hạn trả lãi: lãi trả vào ngày 10 hàng tháng cùng kỳ với trả nợ gốc theo dư nợ gốc giảm dần. Bà Lê Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0321/2016/KG/HĐTD-LVPBank ngày 28/01/2016 tại Điều 4 của hợp đồng đã ký với Ngân hàng. Tính đến ngày 22/10/2019 bà Lê Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền gốc là 10.080.000đ và tiền lãi là 3.240.320đ, tổng cộng là: 13.320.320đ (Mười ba triệu ba trăm hai mươi ngàn ba trăm hai mươi đồng).

Tại phiên tòa, anh Lâm Thương T đại diện cho nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 786/2014/KG/HĐTD-LienViet PostBank ngày 27/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 0321/2016/KG/HĐTD-LVPBank ngày 28/01/2016 giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện LV và bà Lê Thị T.

Buộc bà Lê Thị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền vay gốc và lãi như sau: Đối với Hợp đồng tín dụng số 786/2014/KG/HĐTD-LVPBank tính đến ngày 22/10/2019 là 76.615.928đ (trong đó nợ gốc là 59.188.288 đồng tiền lãi là 17.427.640 đồng) và Hợp đồng tín dụng số 0321/2016/KG/HĐTD-LVPBank ngày 28/01/2016, tính đến ngày 22/10/2019 là 13.320.320đ (trong đó nợ gốc là

10.080.000đ và tiền lãi là 3.240.320đ), cùng tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 23/10/2019 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

Ngân hàng TMCP Bưu điện LV tự nguyện không yêu cầu Trường tiểu học BA 2 và chồng bà Lê Thị T liên đới cùng chịu trách nhiệm trả số nợ nêu trên.

*Bị đơn bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của bà T.*

*Theo biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2019 người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tài N trình bày:*

Bà Lê Thị T là giáo viên Trường tiểu học BA 2 nhưng hiện nay đã nghỉ việc theo Quyết định số 4131/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện CT. Khi còn là giáo viên của Trường tiểu học BA 2, vào năm 2014 và năm 2016 bà Lê Thị T có vay tiền của Ngân hàng TMCP Bưu điện LV và Hiệu trưởng trước đây là bà Huỳnh Thị Ngọc Sương đã xác nhận việc vay số tiền trên với tư cách là thủ trưởng đơn vị. Trong thời gian bà T còn làm việc tại Trường tiểu học BA 2 thì cán bộ Ngân hàng có đến gặp bà T để làm việc về số nợ vay, khi đó bà T có hứa trả nợ nhưng sau đó không rõ bà T đã được bao nhiêu.

Hiện nay bà T đã nghỉ việc tại Trường tiểu học BA 2, do đó đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị T và Ngân hàng TMCP Bưu điện LV theo quy định pháp luật. Ông N đại diện nhà trường xin được từ chối tham gia tố tụng và xin được vắng mặt tại phiên hòa giải, xét xử của Tòa án.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng pháp luật, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 xem xét quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu Điện LV đối với bà Lê Thị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thể hiện, từ ngày 27/10/2014 đến ngày 28/01/2016 bị đơn bà Lê Thị T có ký 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Bưu điện LV cụ thể:

Hợp đồng số 786/2014/KG/HĐTD- LVPBank ngày 27/10/2014, Ngân hàng TMCP Bưu điện LV cho bà Lê Thị T vay số tiền gốc là 200.000.000đ (Hai trăm

triệu đồng) và Hợp đồng tín dụng số 0321/2016/KG/HĐTD-LVPBank ngày 28/01/2016, Ngân hàng TMCP Bưu điện LV cho bà Lê Thị T vay số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Do trong thời gian thực hiện hợp đồng bà T vi phạm trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng số 786/2014/KG/HĐTD- LVPBank ngày 27/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 0321/2016/KG/HĐTD-LVPBank ngày 28/01/2016 đã được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật nhưng trong thời gian thực hiện bà Lê Thị T đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng tín dụng là không trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng đúng như đã thỏa thuận. Đến ngày 26/10/2018 đại diện Ngân hàng TMCP Bưu điện LV có làm việc với bà T và bà T cam kết sẽ trả dần số nợ trên cho Ngân hàng, tuy nhiên sau đó bà T không thực hiện việc trả nợ đúng như cam kết, từ đó làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc Ngân hàng TMCP Bưu điện LV khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 786/2014/KG/HĐTD-LVPBank ngày 27/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 0321/2016/KG/HĐTD-LVPBank ngày 28/01/2016 ký giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện LV và bà Lê Thị T, buộc bà Lê Thị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền vay gốc và lãi của hai hợp đồng tín dụng là 89.936.248đ (Tám mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng) cùng tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 23/10/2019 cho đến ngày thanh toán dứt nợ là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với Điều 471, 474 Bộ luật dân sự.

[3] Xét việc Ngân hàng TMCP Bưu điện LV tự nguyện không yêu cầu Trường tiểu học BA 2 và chồng bà Lê Thị T cùng liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền nêu trên, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí với số tiền là 4.496.812 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện LV không phải chịu án phí, Ngân hàng TMCP Bưu điện LV được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện LV về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn bà Lê Thị T.

Tuyên chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 786/2014/KG/HĐTD-LienVietPost Bank ngày 27/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 0321/2016/KG/HĐTD-LienViet PostBank ngày 28/01/2016 giữa Ngân hàng TMCP Bưu điện LV và bà Lê Thị T. Buộc bị đơn bà Lê Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV số tiền như sau:

Đối với Hợp đồng số 786/2014/KG/HĐTD-LVPBank ngày 27/10/2014, tính đến ngày 22/10/2019 tổng cộng là 76.615.928 đồng (trong đó nợ gốc là 59.188.288 đồng và tiền lãi là 17.427.640 đồng).

Đối với Hợp đồng số 0321/2016/KG/HĐTD-LVPBank ngày 28/01/2016, tính đến ngày 22/10/2019 tổng cộng là 13.320.320 đồng (trong đó nợ gốc là 10.080.000 đồng và tiền lãi là 3.240.320 đồng).

Kể từ ngày 23/10/2019 bà Lê Thị T còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 786/2014/KG/HĐTD-LVPBank ngày 27/10/2014 và Hợp đồng tín dụng số 0321/2016/KG/HĐTD-LVPBank ngày 28/01/2016 trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Lê Thị T phải nộp 4.496.812 đồng (Bốn triệu, bốn trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm mười hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Bưu điện LV không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện LV 1.794.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005237 ngày 21/6/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Huỳnh Ánh Tuyết**

